TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Pé;

Bà Hoàng Thị Nha.

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thúy Huyền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2020/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lý Văn N, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lộc Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Lý Văn N trình bày:

Anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B quen biết nhau, tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2001. Do không hiểu biết nên cả hai không đi đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống với nhau thì cuộc sống vợ chồng bình thường, không có

mâu thuẫn gì xảy ra. Đến ngày 28-11-2008 chị Lộc Thị B đột nhiên bỏ nhà đi, không nói với anh Lý Văn N là đi đâu, làm gì. Bản thân anh Lý Văn N đã đến hỏi gia đình, người thân nhưng không ai biết chị Lộc Thị B đi đâu, làm gì. Năm 2018 anh Lý Văn N đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích với chị Lộc Thị B và Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 12-9-2018 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với chị Lộc Thị B. Từ ngày có quyết định cũng không thấy chị Lộc Thị B liên lạc hay trở về địa phương lần nào nên anh Lý Văn N không rõ chị Lộc Thị B hiện nay đang sống tại đâu, làm gì. Do chị Lộc Thị B đã bỏ nhà đi quá lâu, không có trách nhiệm gì với gia đình, chồng con nên anh Lý Văn N xác định tình cảm vợ chồng với chị Lộc Thị B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lộc Thị B.

Về con chung: Có 02 con chung là Lý Thị L (Lý Tiểu L), sinh ngày 14-4-2002 và Lý Văn T, sinh ngày 23-5-2004. Cháu Lý Thị L đã trưởng thành trên 18 tuổi tuổi, cháu phát triển bình thường và đã tự lập. Còn cháu Lý Văn T hiện đang ở cùng với anh Lý Văn N từ khi mẹ cháu bỏ đi đến nay. Khi ly hôn anh Lý Văn N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Lộc Thị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Lộc Thị B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thủ tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình. Phía bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú; không rõ thời điểm trở về; không rõ địa chỉ cư trú mới của bị đơn nên không chấp hành, thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt kể từ thời điểm thụ lý vụ án cũng như trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã phải tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa lần thứ nhất, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tại phiên

tòa triệu tập hợp lần 2, Hội đồng tiến hành xét xử đảm bảo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2008 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ theo khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B. Về con chung: Có 02 con là Lý Thị L (Lý Tiểu L), sinh ngày 14-4-2002 (đã trưởng thành) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, vì vậy đề nghị không xem xét, giải quyết, đối với cháu Lý Văn T, sinh ngày 23-5-2004 , anh Lý Văn N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong suốt quá trình tố tụng phía bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quyền khởi kiện: Mặc dù anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, nhưng trên thực tế họ đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến năm 2008 và có hai người con chung. Do đó, anh Lý Văn N có quyền yêu cầu ly hôn chị Lộc Thị B theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân có thẩm quyền, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ việc. Lý do, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (Điều 8); Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Điều 11); Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 9) đều quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Do anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B chưa được xác lập. Nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm yêu cầu để giải quyết.

[4] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là Ly

hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lộc Thị B cư trú tại Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy theo như lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình nơi thường trú của hai người từ năm 2001 đến nay, xác định được anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B.

[6] Về con chung: Anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B có 02 người con chung là Lý Thị L (Lý Tiểu L), sinh ngày 14-4-2002 (đã trưởng thành) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết và cháu Lý Văn T, sinh ngày 23-5-2004, anh Lý Văn N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lý Văn T cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh Lý Văn N là hoàn toàn phù hợp bởi từ khi chị Lộc Thị B bỏ nhà đi đến nay anh Lý Văn N là người trực tiếp chăm lo cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập của cháu, có xác nhận của chính quyền địa phương và nhà trường, mặt khác tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng của con, cháu Lý Văn T cũng có nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu Lý Văn T cho anh Lý Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Chị Lộc Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Lý Văn N chưa yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lý Văn N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc anh Lý Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15, Điều 16; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý Văn N và chị Lộc Thị B .

2. Về con chung: Giao cháu Lý Văn T, sinh ngày 23-5-2004 cho anh Lý Văn N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lộc Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Lý Văn N chưa yêu cầu.

Chị Lộc Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lý Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Lý Văn N đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05746 ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lý Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lộc Thị B được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình;
- CCTHADS h L;
- Đương sự.....;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai